

Số: 09/2022/QĐST-DS

C R, ngày 21 tháng 03 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 03 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 13/2022/TLST- DS ngày 06 tháng 01 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn:

1. Bà **Lâm K C**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: R51 KDC Nông thổ sản, khu vực Thạnh Lợi, phường P T, quận C R, thành phố C T.

2. Ông **Mai D T**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: 20Y4/4, khu vực 3, phường A K, quận N K, thành phố C T.

Địa chỉ liên hệ: 68L/3 khu vực 2, phường A K, quận N K, thành phố C T.

3. Ông **Tạ N T**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: 50 tổ 33, khu vực 5, phường H P, quận C R, thành phố C T.

Địa chỉ liên hệ: 101 Huỳnh Thúc Kháng, phường A N, quận N K, thành phố C T.

* Bị đơn:

1. Ông **Nguyễn T N**, sinh năm 1990.

2. Bà **Trần D M**, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: 3B dãy B Trần Hoàng Na, phường H L, quận N K, thành phố C T.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Phía bị đơn ông Nguyễn T N và bà Trần D M đồng ý giao phần đất tại diện tích 289m² (Trong đó: Đất ở 57,8m² và đất trồng cây lâu năm 231,2m²);

thửa đất số: 2329; Tờ bản đồ số 05; tọa lạc tại khu vực Phú Quới, phường Thường Thạnh, quận C R, thành phố C T theo bản trích đo địa chính do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường – Sở tài nguyên và môi trường thành phố C T lập số 13/TTKTTNMT ngày 01/03/2022 cho nguyên đơn cho ông Tạ N T.

Phía bị đơn ông Nguyễn T N và bà Trần D M đồng ý giao phần đất tại 289m² (Trong đó: Đất ở 54,7m² và đất trồng cây lâu năm 234,3m²); thửa đất số 2322; Tờ bản đồ số 05; tọa lạc tại khu vực Phú Quới, phường Thường Thạnh, quận C R, thành phố C T theo bản trích đo địa chính do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường – Sở tài nguyên và môi trường thành phố C T lập số 13/TTKTTNMT ngày 01/03/2022 cho nguyên đơn cho ông Mai D T.

Phía bị đơn ông Nguyễn T N và bà Trần D M đồng ý giao phần đất tại 348,8m²; Mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm; thửa đất số: 2341; Tờ bản đồ số 05; tọa lạc tại khu vực Phú Quới, phường Thường Thạnh, quận C R, thành phố C T cho theo bản trích đo địa chính do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường – Sở tài nguyên và môi trường thành phố C T lập số 13/TTKTTNMT ngày 01/03/2022 cho nguyên đơn cho bà Lâm K C.

Phía bị đơn ông Nguyễn T N và bà Trần D M đồng ý mở lối đi phần đất có diện tích 1233.9m²; tờ bản đồ số 05; thửa số 357¹; tọa lạc tại khu vực Phú Quới, phường Thường Thạnh, quận C R, thành phố C T theo bản trích đo địa chính do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường – Sở tài nguyên và môi trường thành phố C T lập số 13/TTKTTNMT ngày 01/03/2022 làm đường đi công cộng và đồng ý để cho các nguyên đơn bà Lâm K C, ông Mai D T, ông Tạ N T được quyền sử dụng phần diện tích đất này làm lối đi.

Khi quyết định có hiệu lực pháp luật nguyên đơn, bị đơn có quyền liên hệ với cơ quan chức năng để kê khai, đăng ký, điều chỉnh theo quy định của pháp luật phần đất cũng như phần lối đi nói trên. (Có kèm theo bản trích đo địa chính số 13/TTKTTNMT ngày 01/03/2022)

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chi phí với số tiền 6.508.000 đồng (Sáu triệu, năm trăm lẻ tám nghìn đồng). Nguyên đơn đồng ý chịu và nguyên đơn đã thực hiện xong.

Về án phí: Các nguyên đơn tự nguyện nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền mỗi người 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chuyển tiền tạm ứng án phí mà các nguyên đơn đã nộp theo các biên lai thu số 0008161, 0008162, 0008163 lập cùng ngày 30/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận C R, thành phố C T thành án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

- Nơi nhận:

- + Dương sự;
- + VKSND Q. C R,
TP. C T;
- + Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN

TRẦN THỊ HỒNG GÁM